

Số: 05/2023/QĐST-DS

Thạch An, ngày 31 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bé Đặng C – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện Thạch An

Người được ủy quyền lại: Ông Vương Thành T – chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh huyện Thạch An

- *Bị đơn*: Anh Lý Đức D

Nơi cư trú: N, xã T, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Vương Thị H

Nơi cư trú: N, xã T, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở: Xóm L, xã V, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hợp đồng tín dụng: Ngân hàng A Chi nhánh huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng và anh Lý Đức D, chị Vương Thị H đã ký Hợp đồng tín dụng số 8310LAV202100286 ngày 08/4/2021. Thỏa thuận cụ thể: Lãi suất 9,5%/năm, phương thức trả gốc: 12 tháng 1 kỳ (mỗi kỳ 20.000.000đ), phương thức trả lãi 12 tháng 1 kỳ. Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả: 5%/năm. Ngày giải ngân 28/10/2021, số tiền cho vay: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Đến nay: dư nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 20/7/2023 là 12.790.576đ (Mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng); nợ gốc quá hạn: 20.000.000đ từ ngày 28/10/2022; lãi quá hạn 810.023đ (Tám trăm mười nghìn không trăm hai mươi ba đồng). Tổng nợ gốc và lãi tính đến 20/7/2023 là 113.600.779đ (Một trăm mười ba triệu sáu trăm nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng).

2.2 Các bên có trách nhiệm trả nợ như sau:

- Chị Vương Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn trả nợ: hạn cuối là ngày 30/12/2023 chị Hương phải trả hết số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Hết thời hạn thỏa thuận, nếu chị H không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết thì chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

- Anh Lý Đức D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và toàn bộ lãi trên nợ gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Nợ lãi tính đến ngày 20/7/2023 là 13.600.779đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng).

Thời hạn trả nợ: hạn cuối là ngày 30/12/2023 anh D phải trả hết nợ gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và lãi trên nợ gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 21/7/2023) cho đến ngày thỏa thuận trả nợ (30/12/2023), hàng tháng anh D phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Hết thời hạn thỏa thuận, nếu anh D không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết thì anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

2.3 Biện pháp bảo đảm: Vay không có tài sản bảo đảm theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 55/2015/NĐ-CP

ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Ngân hàng A tiếp tục giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi anh D, chị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Khi anh D, chị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Dũng, cụ thể gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 4640xx, AP 4409xx, AP 4409xx do Ủy ban nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 11/11/2009.

2.4 Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lý Đức D và chị Vương Thị H.

Ngân hàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.420.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng A (Do Ngân hàng A chi nhánh huyện Thạch An nộp) đã nộp là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001040 ngày 26/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Ngân hàng A được hoàn lại số tiền 1.380.000đ (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mã Hồng Nhung